TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V H** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ – ST.
Ngày: 23 tháng 8 năm 2018.
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H, TỈNH SƠN LA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mùi Văn Huấn.

2. Ông Tráng A Lứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hồng Nghiêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VH *tham gia phiên toà:* Ông Tưởng Phi Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 73/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc Xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/ QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngần Thị Ph. Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản N H, xã X Nh, huyện VH, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vì Văn V. Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Bản N H, xã X Nh, huyện VH, tỉnh Sơn La.

Hiện đang lao động tập trung tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, chị Ngần Thị Ph: Chị và anh Vì Văn V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã XN, huyện VH, tỉnh Sơn La.

Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc mà luôn luôn mâu thuẫn. Vì thương và nghe lời bố mẹ, cho nên mặc dù anh V có một nhân thân không tốt, vừa đi chấp hành án cải tạo về, chị vẫn phải cắn răng chịu đựng khổ nhục khi sống với anh V gần 20 năm. Sau khi đi tù về, anh V tái nghiện ma túy. Chị nhiều lần khuyên ngăn, động viên không được. Anh V không hối cải còn sa đà nghiện ngập nặng hơn, bán hết tài sản trong gia đình để sử dụng ma túy, không quan tâm đến vợ con, hai lần phải đi cai nghiện bắt buộc. Kể từ khi anh V đi cai nghiện, vợ chồng đã ly thân 05 năm. Nay chị thấy vợ chồng khồng thể hàn gắn được nữa, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn anh Vì Văn V.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có hai người con chung: Cháu Vì Thị D, sinh ngày 03/9/1999, hiện đã lập gia đình riêng và cháu Vì Thị Di, sinh ngày 25/02/2001, hiện đang ở với chị. Nếu được ly hôn, chị đề nghị được quyền nuôi cháu Vì Thị Di, sinh ngày 25/02/2001 theo nguyện vọng của cháu, đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung và nợ chung: Mặc dù sống với nhau cũng khá lâu, nhưng vì anh V nghiện ma túy, bán hết tài sản để chơi bời, nên không có tài sản gì đáng giá, không vay nợ ai. Do vậy, không đề nghị HĐXX xem xét.

Cuối cùng, nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét cho chị được ly hôn anh Vì Văn V và chấp nhận đề nghị được nuôi con chung.

- Ý kiến của bị đơn, anh Vì Văn V trình bày tại phiên hòa giải ngày 12/7/2018: Anh đã từng phạm tội và phải chấp hành án, nhưng vợ không biết động viên, chia sẻ, nên hay xảy ra mâu thuẫn. Thỉnh thoảng, vì quá nóng giận, anh có đánh vợ, nhưng vẫn muốn chị suy nghĩ, quay lại đoàn tụ. Vợ chồng anh chị không vay nợ và cho ai vay tài sản gì. Hơn nữa anh cho rằng chị Ph nên nghĩ đến các con, tha thứ cho anh. Các con là con chung, không thể chia rẽ được. Do vậy, không nhất trí ly hôn, không nhất trí cho chị Ph được nuôi con, đề nghị HĐXX xem xét.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VH phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng trong thụ lý, giải quyết

vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, vợ chồng chị Ngần Thị Ph và anh Vì Văn V ly thân đã lâu, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, tình cảm không còn, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngần Thị Ph, xử cho chị được ly hôn anh Vì Văn V. Chấp nhận đề nghị của nguyên đơn về việc nuôi con chung và giải quyết phần án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về quan hệ hôn nhân:* Mặc dù Hôn nhân của chị Ngần Thị Ph và anh Vì Văn V là tự nguyện, đúng pháp luật. Tuy nhiên, do anh V đã từng phải chấp hành án, không biết cải sửa, hai lần phải cai nghiện bắt buộc, muốn quay lại đoàn tụ nuôi dạy con chung. HĐXX xét thấy, anh V có nhiều cơ hội sửa chữa sai lầm, nhưng không biết tu chí, còn hành hạ, đánh đập vợ. Hai anh chị đã ly thân một thời gian dài. Chị Ph đã phải chịu đựng nhẫn nhục gần 20 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ngần Thị Ph.

[2]*Về con chung:*Anh Vì Văn V đang phải cai nghiện bắt buộc, không có điều kiện chăm sóc con chung. Do đó, chấp nhận đề nghị của chị Ngần Thị Ph và theo nguyện vọng của con. HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao cháu Vì Thị Di, sinh ngày 25/02/2001 cho chị Ph nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vì Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Ph, nhưng có quyền đi lại, chăm sóc con, không ai được quyền ngăn cản.

[3]*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không đặt vấn đề giải quyết.

[4] *Về án phí:* Nguyên đơn, chị Ngần Thị Ph khởi kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 146, khoản 4 điều 147 BLTTDS; khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 57; điều 58; khoản 1, 2 điều 81; khoản 1,3 điều 82; điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 25,

điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

*1. Về quan hệ hôn nhân:*Xử cho chị Ngần Thị Ph được ly hôn anh Vì Văn V.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Vì Thị Di, sinh ngày 25/02/2001 cho chị Ph nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vì Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Ph, nhưng có quyền đi lại, chăm sóc con, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngần Thị Ph chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào dự phí xin ly hôn là 300.000 đồng, tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0000982 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VH.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS VH;
- THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Quang

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - chủ tọa**	**Hội thẩm nhân dân**
Mùi Văn Huấn	**Nguyễn Đăng Quang**	**Tráng A Lứ**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch V Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch V Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viêncủa Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu

là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc

thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau: